

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/LĐ-ST

Ngày: 18 - 4 - 2023

V/v tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo
hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Liêm;
- Bà Hồ Thị Kim Liên - Cán bộ Liên đoàn Lao động thành phố X.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 02/2022/TLST-LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1985;

Cư trú: Ấp Th, xã K, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ;

Trụ sở: Số 702A, Tầng 7, Tòa nhà Centre Point, số 106 NVT, Phường 08, quận P, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Xuân M1, chức vụ: giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang;

Trụ sở: số 11 đường L, phường Mỹ Bình, thành phố X, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang là: ông Tô Thành T, Trưởng phòng Thanh tra – Kiểm tra.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn M và ông Tô Thành T có mặt, Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Văn M là nhân viên lái xe của Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ - Chi nhánh An Giang (viết tắt là Công ty Đ) theo Hợp đồng lao động số 0468/HĐLĐLX-SĐAG ngày 19 tháng 01 năm 2018 với thời hạn 01 năm. Sau khi hết thời hạn hợp đồng, ông M và Công ty Đ không ký kết lại hợp đồng lao động nhưng hai bên vẫn xác lập hợp đồng theo hình thức ông M tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của ông M đối với Công ty từ thời gian ngày 19 tháng 02 năm 2018 cho đến hết tháng 7 năm 2021 và hưởng lương theo thỏa thuận, đồng thời ông M và Công ty Đ có đăng ký cho ông M tham gia bảo hiểm xã hội theo hình thức Công ty tự trích tiền lương của ông M hàng tháng để đóng bảo hiểm từ tháng 02 năm 2018 đến hết tháng 12 năm 2020.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19, ông M xin nghỉ tạm từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 8 năm 2021. Tình hình dịch bệnh kéo dài, vì có việc riêng của gia đình nên ông đã có đơn xin nghỉ làm việc tại Công ty Đ cho đến nay. Từ thời gian ký kết hợp đồng với Công ty Đ cho đến khi nghỉ việc ở Công ty, ông M đã thực hiện công việc đúng theo các điều khoản tại hợp đồng đã ký kết. Về phía Công ty cũng đã thực hiện việc chi trả lương cho ông M đúng theo thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng. Từ khi ông M nghỉ việc, ông có liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang để nhận tiền trợ cấp thất nghiệp thì nơi đây cho ông biết là: ông không đóng tiền bảo hiểm hàng tháng từ tháng 02 năm 2018 đến khi ông nghỉ việc tháng 7 năm 2021 nên ông không được nhận các khoản tiền này. Căn cứ vào các thông tin trên sổ bảo hiểm xã hội do Lê Văn M đứng tên, mã số 8924212961 xác nhận: tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp của ông M chưa hưởng là 02 năm 10 tháng.

Theo thỏa thuận giữa ông M với Công ty Đ thì, Công ty sẽ trừ 10% lương hiện hưởng của ông M để đóng bảo hiểm thất nghiệp cho ông M, phần còn lại nếu thiếu thì công ty sẽ bù vào đóng hỗ trợ không hoàn lại cho ông. Như vậy, Công ty đã trừ tiền lương của ông M hàng tháng nhưng lại không thực hiện nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội là đã vi phạm thỏa thuận.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì ông M được biết về việc đóng bảo hiểm xã hội của ông như sau: Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của ông M là từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 11 năm 2020 tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ - Chi nhánh An Giang (ông Dương Ngọc S làm giám đốc); tháng 12 năm 2020 thì tại Hợp tác xã vận tải Đ An Giang (ông Dương Ngọc S làm giám đốc). Nhưng Công

ty Đ - Chi nhánh An Giang chưa đóng bảo hiểm cho ông mà còn nợ tiền bảo hiểm từ tháng 05 năm 2017 đến nay. Còn Hợp tác xã vận tải Đ An Giang thì chỉ đăng ký tham gia bảo hiểm cho ông M một tháng (tháng 12 năm 2020) và không đóng bảo hiểm cho ông M, mà đến tận ngày 09 tháng 6 năm 2021 mới nộp tiền của tháng 12 năm 2020.

Vì vậy, ông M xác định ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ phải thực hiện nộp tiền Bảo hiểm xã hội cho ông (bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH), bảo hiểm y tế (viết tắt là BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (viết tắt là BHTN)) từ tháng 02 năm 2018 đến hết tháng 11 năm 2020 để ông được chốt sổ bảo hiểm.

- Buộc Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ phải bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp cho ông vì Công ty nợ tiền bảo hiểm khiến ông không được hưởng trợ cấp thất nghiệp. Số tiền cụ thể: $(4.195.000 \text{ đồng} \times 60\%) \times 03 \text{ tháng} = 7.551.000 \text{ đồng}$.

Do Hợp tác xã vận tải Đ An Giang đã đóng bảo hiểm cho ông nên ông không có tranh chấp đối với đơn vị này về tiền bảo hiểm tháng 12 năm 2020 và năm 2021.

Bị đơn Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang trình bày: tại Công văn số 1352/BHXH-QLT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang về việc trả lời đơn của ông Lê Văn M, Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang trả lời “Từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 11 năm 2020, Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ – Chi nhánh An Giang (đơn vị) có đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông. Nhưng đơn vị còn nợ tiền từ tháng 05 năm 2017 nên không đóng cho ông... Tháng 12 năm 2020 (chỉ 01 tháng), Hợp tác xã Vận tải Đ An Giang (đơn vị) có đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông. Nhưng đơn vị không trích nộp tiền cho cơ quan BHXH. Đến ngày 09 tháng 6 năm 2021 đơn vị mới nộp tiền BHXH tháng 12 năm 2020 (01 tháng)”. Sau khi Tòa án tiến hành xác minh, ngày 22 tháng 11 năm 2022, Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang có Công văn số 2434/BHXH-CĐBHXH phúc đáp như sau: “Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ chi nhánh An Giang có đóng BHXH, BHYT, BHTN cho ông Lê Văn M từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 11 năm 2020. Về mức đóng BHXH, BHYT, BHTN: Từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 mức lương 3.780.000 đồng; Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019 mức lương 3.970.000 đồng; Từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020 mức lương 4.195.000 đồng. Tổng số tiền phải đóng BHXH, BHYT, BHTN là 51.726.979 đồng, trong đó: Số tiền phải đóng BHXH là 34.518.075 đồng; Số tiền phải đóng BHYT là 6.280.200 đồng; Số tiền phải đóng BHTN là 2.707.300 đồng; Số tiền lãi chậm đóng là 8.221.404 đồng”.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên

vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông Tuyên đại diện cho Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại các Công văn gửi Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Giữa Công ty Đ và ông M có xác lập hợp đồng lao động, Công ty có thực hiện đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho ông M và trừ tiền lương của ông M để thực hiện đóng tiền bảo hiểm, nhưng Công ty không thực hiện đóng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội là vi phạm pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của ông M đối với tiền BHXH, BHYT, BHTN là có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu bồi thường tiền BHTN không được hưởng, xét thấy: việc Công ty Đ không thực hiện nộp tiền bảo hiểm đúng quy định dẫn đến việc ông M không được hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp; nên yêu cầu này của ông M là có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN và bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp. Bị đơn có trụ sở Chi nhánh tại thành phố X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án lao động về “Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giữa Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ và ông Lê Văn M có ký kết Hợp đồng lao động lái xe taxi vào ngày 19 tháng 01 năm 2018 với thời hạn một năm. Sau khi hết thời hạn một năm, các bên vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động, ông M vẫn thực hiện công việc lái xe cho Công ty và Công ty vẫn thực hiện trả lương cho ông M. Khi xác lập hợp đồng lao động các bên

có thỏa thuận về việc ông M được tham gia bảo hiểm bắt buộc đối với BHXH, BHYT, BHTN. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đều có trích lương của ông M để nộp BHXH, BHYT, BHTN. Tuy nhiên, Công ty Đ lại không thực hiện nộp tiền bảo hiểm về cơ quan Bảo hiểm xã hội cho ông M từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 11 năm 2020 là vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng lao động mà các bên ký kết và vi phạm khoản 2 Điều 21 và Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 15 và Điều 49 Luật Bảo hiểm y tế. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông M về việc buộc Công ty Đ phải nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN của ông là có căn cứ để chấp nhận; buộc Công ty Đ có nghĩa vụ nộp vào quỹ bảo hiểm cho ông M tổng cộng: 51.726.979 đồng, gồm: 34.518.075 tiền bảo hiểm xã hội, 6.280.200 đồng tiền bảo hiểm y tế, 2.707.300 đồng tiền bảo hiểm thất nghiệp và 8.221.404 đồng tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 11 năm 2022.

[3.2] Theo ông M trình bày thì ông làm việc tại Công ty Đ từ tháng 02 năm 2018 cho đến tháng 07 năm 2021 thì ông có đơn xin tạm nghỉ và đến tháng 08 năm 2021 thì ông có đơn xin nghỉ việc. Lúc này, ông mới biết người sử dụng lao động là Hợp tác xã Vận tải Đ An Giang, ông đã chuyển sang lao động cho đơn vị này, và đơn vị này đã đồng ý cho ông nghỉ việc nhưng không giao Quyết định cho nghỉ việc hoặc Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cho ông. Còn theo kết quả trả lời của Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang và ghi nhận trên Sổ bảo hiểm xã hội của ông M thì xác định từ tháng 12 năm 2020, ông M là lái xe của Hợp tác xã Vận tải Đ An Giang; không còn được đăng ký đóng bảo hiểm là người lao động của Công ty Đ. Hiện nay, Công ty Đ và Hợp tác xã Vận tải Đ An Giang là hai đơn vị độc lập. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ không cung cấp tài liệu chứng cứ nào để xác định ông M có vi phạm nội quy hay quy định của Công ty trong quá trình làm việc hay không. Xét thấy: căn cứ các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự đã thể hiện ông M và Công ty Đ đã chấm dứt hợp đồng lao động từ tháng 12 năm 2020. Việc Công ty Đ nợ tiền BHXH, BHYT, BHTN đã dẫn đến việc ông M không được hưởng trợ cấp thất nghiệp, như Công văn số 1352/BHXH-QLT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang đã trả lời. Đây là lỗi của Công ty Đ, vì vậy yêu cầu bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp của ông M là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 50 Luật Việc làm; buộc Công ty Đ phải bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp cho ông M với số tiền cụ thể là: $(4.195.000 \text{ đồng} \times 60\%) \times 03 \text{ tháng} = 7.551.000 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí: Công ty Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông M thuộc đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, các Điều 227, 228, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 6, 46, 168 Bộ luật Lao động năm 2019;
- Khoản 2 Điều 21; Điều 86; Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Các Điều 15, 49 Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014; và Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-VPQH ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Quốc hội);

- Điều 50 Luật Việc làm năm 2013;

- Điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M đối với Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ.

1.1 Buộc Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ có nghĩa vụ nộp vào quỹ bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang các khoản tiền cho ông Lê Văn M, tổng cộng: 51.726.979 đồng (năm mươi một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng), gồm: 34.518.075 (ba mươi bốn triệu năm trăm mười tám nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng) tiền bảo hiểm xã hội, 6.280.200 đồng (sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn hai trăm đồng) tiền bảo hiểm y tế, 2.707.300 đồng (hai triệu bảy trăm linh bảy nghìn ba trăm đồng) tiền bảo hiểm thất nghiệp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 11 năm 2020) và 8.221.404 đồng (tám triệu hai trăm hai mươi một nghìn bốn trăm linh bốn đồng) tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 11 năm 2022.

1.2 Buộc Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn M 03 (ba) tháng trợ cấp thất nghiệp với số tiền là 7.551.000 đồng (bảy triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng).

1.3 Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ còn chịu tiền lãi trên số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế chưa đóng, chậm đóng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

2. Bảo hiểm Xã hội tỉnh An Giang có nghĩa vụ chốt Sổ Bảo hiểm và xác nhận thời gian đóng Bảo hiểm xã hội cho ông Lê Văn M sau khi Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ nộp đủ các khoản nợ Bảo hiểm nêu trên và tiền lãi phát sinh.

3. Về án phí:

Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.778.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. AN Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (3);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Liêm

Hồ Thị Kim Liên

